

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HSST

Ngày 25 - 01 - 2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Nguyễn Thiên
Viết.

Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy
Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức,
tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số
02/2024/HSST ngày 04/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
03/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Điêu H (tên gọi khác: không), sinh năm 2001 tại tỉnh Đắk Nông; nơi đăng
ký hộ khẩu thường trú: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp:
Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: M'Nông;
Tôn giáo: Công giáo; con ông Điêu Nh, sinh năm 1979 và bà Thị M, sinh năm
1980.

Tiền án: Ngày 15/01/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk
Nông xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ
luật hình sự, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thi hành khoản bồi
thường với số tiền 900.000 đồng.

Bị bắt tạm giữ ngày 18/11/2023 đến ngày 24/11/2023 chuyển tạm giam –
có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Điêu H:

- Ông Phạm Quang L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp
viên pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- Ông Hoàng Ngọc T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp
viên pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Bị hại:

- Chị Điêu Thị D, sinh năm 1986; nơi cư trú: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh
Đắk Nông – vắng mặt.

- Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tiểu khu M, xã Qu,

huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1980; nơi cư trú: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- Anh Chang A G, sinh năm 1987; nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- Ông Ma Trần H, sinh năm 1952; nơi cư trú: Bản N, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Điều H là đối tượng đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, không có việc làm ổn định nên nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 13/10/2023 đến ngày 15/11/2023, Điều H đã thực hiện 02 vụ trộm cắp trên địa bàn xã Đ và xã Qu, huyện T, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 13/10/2023, Điều H đi bộ từ Bản N đến bờ đập Bản Đ, xã Đ, huyện T, phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Boss biển số 51X3-9651, của chị Điều Thị D đang dựng ở bờ đập. Quan sát thấy không có người trông coi nên Điều H lấy trộm xe, nổ máy và điều khiển xe hướng về Bản N, xã Đ cầm cố cho ông Ma Trần H được số tiền 500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 15/11/2023, Điều H điều khiển xe mô tô (loại xe cào, không có biển kiểm soát, không có số máy, số khung) đi đến khu vực Tiểu khu M thuộc xã Qu, huyện T tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đi ngang căn chòi rẫy của anh Nguyễn Ngọc S, thấy không có người trông coi nên Học đã trộm cắp 02 bao mủ cao su (loại mủ chén ướt) tại gốc cây cao su và 01 máy phát cỏ nhãn hiệu Komatsu-Zenoah-G2K (không có lưỡi) ở trong chòi; bỏ lên xe, rồi điều khiển xe đến Bản Đ, xã Đắk Ngo, huyện T. Học gặp anh Chang A G nên dừng xe hỏi và bán máy phát cỏ cho anh Giống được số tiền 1.000.000 đồng. Học tiếp tục đi đến Bon Đ, xã Đ, huyện T bán 02 bao mủ cao su cho chị Phạm Thị Th được số tiền 700.000 đồng; số tiền trên, Học đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 12 giờ ngày 17/11/2023, Điều H tiếp tục đi đến Tiểu khu M, xã Qu, huyện T để tìm kiếm tài sản trộm cắp thì bị anh Nguyễn Ngọc S phát hiện, trình báo đến Công an xã Đ. Tại Công an xã Đ, Điều H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Boss, màu sơn nâu, biển kiểm soát 51X3-9631 đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp ngày 13/10/2023 là 2.167.000 đồng; 01 máy phát cỏ màu đỏ đen, trên thân máy có in dòng chữ Komatsu-Zenoah-G2K (không có lưỡi

phát) có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp ngày 15/11/2023 là 1.034.000 đồng; 70 kg mũ cao su chén ước có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp ngày 15/11/2023 là 770.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.971.000 đồng.

Vật chứng đã thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Boss biển số 51X3-9651, 01 xe mô tô (loại xe cào, không có biển kiểm soát, không có số máy, số khung); 02 bao mũ cao su và 01 máy phát cỏ nhãn hiệu Komatsu-Zenoah-G2K (không có lưỡi)

Tại cáo trạng số 06/Ctr-VKS ngày 04/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Điều H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 13/10/2023 đến ngày 15/11/2023 trên địa bàn xã Đ và xã Qu, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Điều H đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản là 3.971.000 đồng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Điều H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Điều H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Điều H không có tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự. Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Boss biển số 51X3-9651 và 02 bao mũ cao su; 01 máy phát cỏ nhãn hiệu Komatsu-Zenoah-G2K (không có lưỡi) cho chị Điều Thị D và anh Nguyễn Ngọc S là các chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu tiêu hủy 01 xe mô tô (loại xe cào, không có biển kiểm soát, không có số máy, số khung).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Ngọc S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Th, anh Chang A G không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra, bị hại chị Điều Thị D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Trần H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Điều H đồng ý bồi thường toàn bộ yêu cầu của chị Thị Dong và ông Hòa. Xét thấy, việc đồng ý bồi thường là tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận; buộc bị cáo Điều H phải bồi thường 3.000.000 đồng cho chị Thị Dong; bồi thường 500.000 đồng cho ông Hòa.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, có trình độ văn hóa thấp;

đồng ý bồi thường toàn bộ yêu cầu của bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Điều H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan; bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật nên trong khoảng thời gian từ ngày 13/10/2023 đến ngày 15/11/2023, Điều H đã thực hiện 02 vụ trộm cắp trên địa bàn xã Đ và xã Qu, huyện T, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 13/10/2023, tại xã Đ, huyện T; Điều H phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Boss, biển số 51X3-9651 của chị Điều Thị D, để ở bờ đập, không có người trông coi nên Điều H đã trộm và điều khiển xe về Bản N, cầm cố cho ông Ma Trần H được số tiền 500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 15/11/2023, Điều H điều khiển xe mô tô đến khu vực Tiểu khu M thuộc xã Qu, huyện T tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đi ngang căn chòi rẫy của anh Nguyễn Ngọc S, không có người trông coi nên Học đã trộm cắp 02 bao mủ cao su và 01 máy phát cỏ nhãn hiệu Komatsu-Zenoah-G2K; Học bán máy phát cỏ cho anh Giồng được số tiền 1.000.000 đồng và bán 02 bao mủ cao su cho chị Phạm Thị Th được số tiền 700.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Boss, màu sơn nâu, biển kiểm soát 51X3-9631 đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp ngày 13/10/2023 là 2.167.000 đồng; 01 máy phát cỏ màu đỏ đen, trên thân máy có in dòng chữ Komatsu-Zenoah- G2K (không có lưỡi phát) có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp ngày 15/11/2023 là 1.034.000 đồng; 70 kg mủ cao su chén

uớt có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp ngày 15/11/2023 là 770.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.971.000 đồng.

Vì vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Điều H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

[3]. Xét tính chất vụ án do bị cáo Điều H gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương; bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức về điều khiển hành vi, do ý thức coi thường pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Bị cáo H thực hiện 02 lần hành vi trộm cắp tài sản; ngày 15/01/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thi hành khoản bồi thường với số tiền 900.000 đồng, chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội hai lần trở lên*” và “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo H đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Kết hợp tình tiết giảm nhẹ nêu trên để Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, Bị cáo H không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Ngọc S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Th, anh Chang A G không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra, bị hại chị Điều Thị D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Trần H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Điều H đồng ý bồi thường toàn bộ yêu cầu của chị Thị Dong và ông Hòa. Xét thấy, việc đồng ý bồi thường là tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận; buộc bị cáo Điều H phải bồi thường 3.000.000 đồng cho chị Thị Dong; bồi thường 500.000 đồng cho ông Hòa.

[7]. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự. Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Boss biển số 51X3-9651 và 02 bao mũ cao su; 01 máy phát có nhãn hiệu Komatsu-Zenoah-G2K (không có lưới) cho chị Điều Thị D và anh Nguyễn Ngọc S là chủ sở hữu hợp pháp. Tịch thu tiêu hủy 01 xe mô tô (loại xe cào, không có biển kiểm soát, không có số máy, số khung).

[8]. Về án phí: Bị cáo Điều H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Điều H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Điều H 01 (một) năm 06 (06) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, tạm giữ ngày 18/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Điều H phải bồi thường 3.000.000 đồng cho bị hại chị Điều Thị D.

Buộc bị cáo Điều H phải bồi thường số tiền 500.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Trần H.

3. Về vật chứng vụ án và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Boss biển số 51X3-9651; 02 bao mũ cao su; 01 máy phát có nhãn hiệu Komatsu-Zenoah-G2K (không có lưới) cho chị Điều Thị D và anh Nguyễn Ngọc S.

Tịch thu tiêu hủy 01 xe mô tô (loại xe cào, không có biển kiểm soát, không có số máy, số khung).

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/01/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Điều H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bi hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PC 06 và PC 10 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THA DS huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Quang Trung